

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 12 - 2024
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Đức
2. Ông Trương Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024; về tranh chấp: “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lục Thị H**, sinh năm 1997. Địa chỉ: tổ H, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh Q**, sinh năm 1996. HKTT: ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Hiện tạm trú: số T228 khu V, ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 16/02/2024 nguyên đơn chị Lục Thị H trình bày:* Chị và anh Nguyễn Minh Q qua quen biết tìm hiểu nhau, được sự chấp thuận của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương; đăng ký kết hôn ngày 09/02/2017 tại UBND xã T, huyện C, TP. Sau khi cưới vợ chồng sống ở tỉnh Long An, hạnh phúc được khoảng 8 năm. Có 01 con chung: Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/11/2016, hiện sống với chị. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung nào; không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc; tuy nhiên về sau thường hay phát sinh mâu

thuần, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường gây gổ với nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo lẫn nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Minh Q; Về con chung: chị yêu cầu giải quyết cho chị được quyền nuôi Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/11/2016, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2024 bị đơn anh Nguyễn Minh Q trình bày:* Anh và chị Lục Thị H cưới nhau vào năm 2015. Hôn nhân do quen biết tìm hiểu nhau trước, sau đó được sự chấp thuận của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương; đăng ký kết hôn ngày 09/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. Có 01 con chung: Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/11/2016 hiện chị H nuôi dưỡng. Trong thời gian sống chung, vợ chồng không tạo lập được tài sản chung gì; vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình dẫn đến thường xuyên gây gổ với nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo lẫn nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành; từ đó đời sống vợ chồng không hạnh phúc, ly thân từ tháng 12/2023 đến nay.

Nay theo yêu cầu khởi kiện của chị H; anh có ý kiến như sau: Về quan hệ hôn nhân: anh đồng ý ly hôn chị Lục Thị H; Về con chung: anh đồng ý giao Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/11/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh không yêu cầu nào khác. Anh đồng ý Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiếp tục giải quyết vụ kiện xin ly hôn.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/5/2024 cháu Nguyễn Minh K trình bày:* cha cháu là Nguyễn Minh Q, mẹ cháu là Lục Thị H; cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

- *Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lục Thị H; trong đó: Về quan hệ hôn nhân: chị Lục Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Minh Q. Về con chung: giao con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/11/2016 cho chị H được quyền nuôi dưỡng, anh Q chưa phải

cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của người trực tiếp nuôi con. Về quan hệ tài sản: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013393 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Lục Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Minh Q, chị H có nơi cư trú thuộc huyện B; chị H và anh Q có thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết vụ án nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Chị Lục Thị H và anh Nguyễn Minh Q yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị H và anh Nguyễn Minh Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung từ tháng 12/2023 đến nay; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng anh Q, chị yêu cầu được ly hôn; anh Q đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh Q là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/11/2016.

Chị H yêu cầu được quyền nuôi con. Xét thấy từ khi chị H và anh Q không còn sống chung, chị H là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con vẫn được đảm bảo; anh Q đồng ý giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; phù hợp với nguyện vọng của cháu K sống với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Lục Thị H và anh Nguyễn Minh Q không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lục Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lục Thị H và anh Nguyễn Minh Q.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/11/2016 cho chị Lục Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Minh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: Chị Lục Thị H và anh Nguyễn Minh Q không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lục Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do chị H nộp theo biên lai thu số 0013393 ngày 02/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã Thạnh Phú, H. Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ.
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

